

Tập 30

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba mươi bảy:

(Tự) Cái diêu niệm không chân niệm, sanh nhập vô sanh, niệm Phật tức thị niệm tâm.

(序) 蓋繇念空真念。生入無生。念佛即是念心。

(Tựa: Ấy là vì niệm rỗng rang mọi đối đãi sẽ là chân niệm, từ sanh tử nhập Vô Sanh, niệm Phật chính là niệm tâm).

Hôm qua chúng tôi đã giảng ba câu này, hôm nay lại tiếp tục đọc đoạn văn kế tiếp.

(Tự) Sanh bỉ bất ly sanh thử, tâm, Phật, chúng sanh nhất thể, trung lưu lưỡng ngạn bất cư, cố vị: “Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”.

(序) 生彼不離生此。心佛眾生一體。中流兩岸不居。

故謂自性彌陀。唯心淨土。

(Tựa: Sanh về cõi kia chẳng lìa sanh trong cõi này. Tâm, Phật và chúng sanh cùng một Thể, chẳng ở giữa dòng và hai bên, nên nói: “Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”).

Ý nghĩa được bao hàm trong đoạn tổng kết này hết sức sâu rộng, chúng ta nên đặc biệt chú ý, bất luận là đối với Giải hay Hạnh đều có ích rất lớn.

(Diễn) Sanh bỉ sanh thử giả, ký đáo vô sanh điền địa, tác kỳ Tịnh Độ dĩ vô bỉ thử.

(演) 生彼生此者，既到無生田地，則其淨土已無彼此。

(Diễn: “Sanh cõi kia, sanh trong cõi này”: Đã đến địa vị Vô Sanh thì Tịnh Độ chẳng có đây hay kia).

Hai câu này là nói theo Lý, xác thực là như thế. Như trong phần trên đã nói, phải nhất tâm mới có thể chứng đắc Vô Sanh Nhẫn. Trong nhất tâm, không có phân biệt, không có chấp trước, không có vọng tưởng. Đã tách lìa hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đâu còn có đây hay

kia? Nếu có đây hay kia, sẽ là có phân biệt, có chấp trước, chẳng phải là nhất tâm, cũng chẳng phải là Tịnh Độ.

Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Nói cách khác, công phu niệm Phật của chính mình có tiến bộ hay không, niệm Phật đắc lực hay không đều phải kiểm nghiệm từ chỗ này. Trong hết thảy cảnh duyên, tâm phân biệt của chúng ta có nhận được mấy phần hay không, tâm chấp trước có nhẹ hơn so với quá khứ hay không. Từ chỗ này, mới có thể thấy được công phu.

Thế nhưng về mặt Sự, có Sa Bà hay không? Có Cực Lạc hay không? Có! Lý chẳng ngại Sự, Sự chẳng ngại Lý, Lý - Sự vô ngại. Niệm đến nhất tâm, Tây Phương là Tịnh Độ, cõi này cũng là Tịnh Độ, vì trong hết thảy cảnh giới, quý vị đều chẳng nhiễm trước, cho nên chẳng có một nơi nào chẳng phải là Tịnh Độ. Cũng có đồng tu hỏi: “Đã toàn là Tịnh Độ, ta cần gì phải về Tây Phương Cực Lạc thế giới?” Nếu quý vị khởi lên ý niệm ấy, chúng tôi quý vị chưa chứng đắc Tịnh Độ. Vì sao? Quý vị vẫn còn phân biệt đây - kia, quý vị vẫn hoàn toàn chưa bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

(Diễn) *Du thân ức sát, thật sanh hồ tự kỷ tâm trung.*

(演) 遊神億剎，實生乎自己心中。

(Diễn: *Thân thức ngao du ức cõi nước, nhưng thật sự sanh trong tâm của chính mình.*

“Sát” (ksetra) là sát-độ (cõi nước) của chư Phật, trên mặt Sự, quả thật là có. Chỉ cần quý vị chứng đắc nhất tâm sẽ có vô lượng vô biên thân thông, có thể trong khoảng khảy ngón tay, phân thân trong vô lượng vô biên cõi nước, vì vô lượng vô biên cõi nước chẳng tách rời cái tâm của chính mình, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”.

(Diễn) *Dụng chất cửu liên, phi đào hồ sát-na tế nội.*

(演) 孕質九蓮，匪逃乎剎那際內。

(Diễn: *Hoài thai trong sen chín phẩm, chưa đây trong khoảng sát-na.*

Sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh. “*Cửu liên*” là hoa sen chia thành chín phẩm. Tùy thuộc mức độ công phu của mỗi người mà hiện ra sai khác. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là chuyện trong khoảng một sát-na. Do vậy mới nói:

(Diễn) *Bỉ tức thị thử, thử tức thị bỉ, bỉ thử vô phân, vân sanh bất ly sanh thử.*

(演) 彼即是此，此即是彼，彼此無分，云生彼不離生此。

(Diễn: *Kia chính là đây, đây chính là kia, đây - kia không chia cách, nên nói: “Sanh về kia, chẳng rời sanh nơi đây”).*

Câu này có ý nghĩa rất sâu, mười phương thế giới quả thật chẳng hai, chẳng khác, một mực thanh tịnh, người vừa đắc Lý nhất tâm sẽ thấy cảnh giới này. Nó cũng là cảnh giới của Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Thế nhưng từ Sơ Trụ tiến đến quả địa (Phật quả), còn một khoảng cách khá dài. Trong tình hình ấy, tu học trong thế giới Tây Phương đặc biệt thuận tiện, thành tựu dễ dàng. Do vậy, hàng Bồ Tát trong mười phương thế giới, không vị nào chẳng chọn lựa thế giới Cực Lạc, đạo lý là ở chỗ này! Đây chính là nói: Trong hết thấy cảnh giới, tâm quý vị cố nhiên một mực bình đẳng, nhưng Tăng Thượng Duyên khác nhau. Thế giới Tây Phương có Tăng Thượng Duyên đặc biệt thù thắng, có thể giúp cho quý vị thành tựu vừa nhanh chóng, vừa ổn thỏa, thích đáng. Trong cảnh giới ấy, quyết định chẳng phân chia cõi này, cõi kia. Nếu vẫn còn có ý niệm ấy, sẽ chẳng phải là Lý nhất tâm bất loạn, chẳng phải là cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

(Diễn) *Tâm, Phật, chúng sanh nhất Thể giả.*

(演) 心佛眾生一體者。

(Diễn: *Tâm, Phật, chúng sanh là một Thể).*

“*Tâm, Phật, chúng sanh*” ba thứ này hợp lại là toàn thể pháp giới, là tận hư không, khắp pháp giới. Tận hư không, khắp pháp giới là chính mình, là một, chẳng phải hai. “*Tâm*” là nói Lý Thể có thể biến (năng biến), Phật và chúng sanh đều do tâm biến.

(Diễn) *Phật giả quả đức chi xưng, chúng sanh uế ác chi hiệu, tâm giả linh minh chi Thể.*

(演) 佛者果德之稱，眾生穢惡之號，心者靈明之體。

(Diễn: *Phật là danh xưng của quả đức, chúng sanh là tên gọi của uế ác, tâm là cái Thể linh minh).*

“*Linh minh chi Thể*”: Khi giác ngộ sẽ gọi là Phật; lúc mê hoặc, điên đảo sẽ gọi là “*chúng sanh*”. “*Phật*” là nói đến tâm, tức giác tâm. “*Chúng sanh*” là nói về mê tâm, mê hay ngộ đều bởi nó. Chúng ta nay đang mê, chẳng ngộ.

Điều khẩn yếu nhất trước mắt là làm thế nào để phá mê khai ngộ, bỏ vọng, trở về với Chân.

(Diễn) Niệm Phật vị chí nhất tâm, tâm bất thị Phật, Phật bất thị sanh, phán nhiên bất nhất.

(演)念佛未至一心，心不是佛，佛不是生，判然不一。

(Diễn: Niệm Phật chưa đạt đến nhất tâm thì tâm chẳng phải là Phật, Phật chẳng phải là chúng sanh, rành rành chẳng phải là một).

Nay chúng ta nói tới mười pháp giới, tứ thánh chẳng phải là lục phàm, lục phàm chẳng phải là tứ thánh, đây là cảnh giới của chúng ta trong hiện tại. Nếu chúng ta niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, sẽ tiến nhập cảnh giới chân thật.

(Diễn) Kim ký niệm Phật tức thị niệm tâm.

(演)今既念佛即是念心。

(Diễn: Nay đã là “niệm Phật chính là niệm tâm”).

Đây mới là nhất tâm.

(Diễn) Tắc phán bản hoàn nguyên.

(演)則返本還源。

(Diễn: Thì là trở về cội nguồn).

“*Bản*” là bản tâm, bản tánh. “*Nguyên*” là Bản Giác. Khi “*phán bản hoàn nguyên*”, tâm người ấy là nhất tâm. Trong nhất tâm chẳng có nhị niệm!

(Diễn) Bất kiến sanh, Phật giả danh.

(演)不見生佛假名。

(Diễn: Chẳng thấy các giả danh “chúng sanh” và “Phật” nữa).

“*Chúng sanh*” và “*Phật*” là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Vì sao chẳng phải là Phật pháp? Phật pháp là giác pháp, hai chẳng phải là giác, mà là mê! Do vậy, nói “hai pháp chẳng phải là Phật pháp”. Giác nhất định là một, vì trong giác không có phân biệt, chấp trước; lià hết thảy phân biệt, chấp trước mới là giác. Chấp trước hết thảy phân biệt là mê. “*Chẳng thấy*” là chẳng chấp trước, không còn có những kiến giải sai lầm nữa!

(Diễn) Duy nhất diệu minh, châu biến pháp giới.

(演) 惟一妙明，周遍法界。

(Diễn: Diệu minh duy nhất trọn khắp pháp giới).

Diệu minh chân tâm là nhất tâm; tâm ấy hết sức rộng lớn, tận hư không, trọn pháp giới đều là vật được hiện bởi diệu minh chân tâm. Do vậy nói “*châu biến pháp giới*” (trọn khắp pháp giới).

(Diễn) Dĩ tức Phật chi sanh, niệm tức tâm chi Phật, vô nhị tướng dã.

(演) 以即佛之生，念即心之佛，無二相也。

(Diễn: Dùng “*chúng sanh vốn sẵn là Phật*” ấy để niệm vị Phật ở ngay trong tâm thì không có hai tướng).

Đây chính là như đã nói “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”, niệm hay không niệm? Niệm chứ! Hằng ngày niệm Phật, trong mười hai thời một câu Phật hiệu chưa hề gián đoạn; vì sao nói là vô niệm? “*Vô nhị tướng*” (không có hai tướng). Chẳng chấp vào cái tâm niệm Phật, mà cũng chẳng chấp nơi đức Phật được niệm. Chẳng những không chấp trước, mà ngay cả cái tâm phân biệt cũng chẳng có, khi ấy mới gọi là “*nhiep trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”. Nhiếp trọn sáu căn là sáu quy về một, một tức là sáu, sáu tức là một, kinh Hoa Nghiêm nói là “*nhất đa bất nhị*” (một và nhiều chẳng hai), đây là Thật Tướng chân chánh, là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Tiếp đó, đại sư dạy chúng ta nguyên tắc trọng yếu trong dụng công:

(Diễn) Trung lưu lưỡng ngạn bất cư.

(演) 中流兩岸不居。

(Diễn: Chẳng ở giữa dòng hay hai bên bờ).

Hai bên đều không chấp trước, đây mới là cảnh giới nhất tâm.

(Diễn) Khổ vực thị thử ngạn, lạc bang thị bỉ ngạn.

(演) 苦域是此岸，樂邦是彼岸。

(Diễn: Cõi khổ là bờ này, nước vui là bờ kia).

Chữ “*thử*” chỉ thế giới Sa Bà, chữ “*bỉ*” chỉ thế giới Cực Lạc. Nếu phàm phu chúng ta nhìn vào hai nơi này, quả thật là sướng - khổ thật khác biệt, hoàn toàn khác hẳn nhau; nhưng đối với người đã nhất tâm bất loạn, tức là nói người đã chứng Lý nhất tâm, họ thấy chúng đương nhiên chẳng khác gì nhau, hai bờ đều bình đẳng. Đây chẳng phải là cảnh giới của chúng ta.

(Diễn) Phi khổ phi lạc thị trung lưu.

(演) 非苦非樂是中流。

(Diễn: Chẳng khổ chẳng sướng là giữa dòng).

Hai bờ đều phải buông xuống, mà giữa dòng cũng phải buông xuống luôn! “*Trung lưu*” tượng trưng cho Trung Đạo, chính là như câu nói: “*Lưỡng biên bất lập, Trung Đạo bất tồn*” (Hai bên đã chẳng lập thì Trung Đạo chẳng tồn tại). Vì quý vị rớt trong Trung Đạo, nên vẫn còn có trụ, tâm quý vị vẫn có chấp trước. Trong tâm còn có thứ gì đó thì vẫn chưa thanh tịnh. Trong kinh Bát Nhã có nói: “*Ứng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm). Quý vị vẫn trụ giữa dòng thì làm sao được? Quý vị vẫn trụ vào Trung Đạo, vẫn trụ trong Đệ Nhất Nghĩa Đế, vẫn chưa đứng, hãy nên không trụ vào đâu. Cảnh giới này tuy cao minh hơn phàm phu, cao minh hơn Nhị Thừa, nhưng người ấy chưa kiến tánh, chưa thể khai ngộ, vẫn còn có chướng ngại.

(Diễn) Niệm Phật vị chí nhất tâm.

(演) 念佛未至一心。

(Diễn: Niệm Phật chưa đạt đến nhất tâm).

Công phu chưa đạt được nhất tâm.

(Diễn) Trung lưu lưỡng ngạn, tiệt nhiên bất đồng.

(演) 中流兩岸，截然不同。

(Diễn: Giữa dòng và hai bờ khác nhau rành rành).

Giới hạn rõ ràng, rành mạch, nó có giới hạn. Giới hạn do đâu mà có? Từ phân biệt, chấp trước sanh ra. Cảnh giới ấy từ đâu mà hiện tiền? Từ ý niệm mà hiện tiền.

Khởi Tín Luận có nói: “*Hết thấy các pháp đều lấy niệm làm Thể*”, từ trong tâm niệm của chúng ta sanh ra.

(Diễn) Kim ký sanh bỉ bất ly sanh thử.

(演) 今既生彼不離生此。

(Diễn: Nay đã sanh về cõi kia, chẳng lìa sanh trong cõi này).

Tri kiến viên dung; nói “*viên dung*” chính là trong ấy không có giới hạn, lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đó mới là “*tri kiến viên mãn, tri kiến viên dung*”. Khi ấy...

(Diễn) Tác bất kiến bỉ ngạn, bất kiến thử ngạn, tịnh bất kiến phi bỉ, phi thử chi trung lưu.

(演) 則不見彼岸，不見此岸，并不見非彼非此之中流。

(Diễn: Sẽ chẳng thấy bờ này hay bờ kia, trọn chẳng thấy là giữa dòng chẳng phải bờ này hay bờ kia).

“*Bờ này, bờ kia, giữa dòng*” nêu xét về sự tướng chắc chắn là có, chẳng thể nói không có những sự tướng này, nhưng trong tâm quý vị đừng vạch ra giới hạn. Nói cách khác, đối với thế giới Cực Lạc, quý vị không có Lạc Thọ, tâm quý vị thanh tịnh. Dầu ở trong địa ngục A Tỳ, quý vị không có Khổ Thọ. Nếu chúng ta hỏi: Có địa ngục và thiên đường hay không? Có chứ! Cảnh giới ấy thật sự có, nhưng sự cảm nhận cảnh giới của quý vị như nhau, sự cảm nhận của quý vị [đối với Cực Lạc và địa ngục] giống hệt nhau, cũng tức là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả quý vị đều chẳng nhận thấy, tâm thanh tịnh lắm! Chẳng phải là không có cảnh giới, cảnh giới là có, Sa Bà và Cực Lạc là có, nhưng trong thế giới Sa Bà, quý vị không có Khổ Thọ, trong thế giới Cực Lạc cũng chẳng có Lạc Thọ; thậm chí cảm nhận “*chẳng khổ, chẳng vui*” cũng chẳng có. Thật sự tự tại, đó gọi là Chánh Thọ, là Niệm Phật tam-muội, là nhất tâm bất loạn.

Đại sư trích dẫn một bài thơ của cô đức, trong bài thơ này ẩn chứa Thiên cơ rất vi diệu, có thể dùng làm cước chú cho câu này.

(Diễn) Cổ vân: “Hải tạng đa la nhất diệp châu”.

(演) 古云：海藏多羅一葉舟。

(Diễn: Cổ nhân nói: “Biển cả Đa La một lá thuyền”).

Đây là tỷ dụ, trong biển cả có một chiếc thuyền nhỏ. “Đa La” chính là cây Bối-đa-la, chữ “nhất diệp” hình dung sự vật không lớn, là một chiếc thuyền nhỏ.

(Diễn) Bất cư lưỡng ngạn, bất trung lưu.

(演) 不居兩岸不中流。

(Diễn: Giữa dòng đôi bên đều không trụ).

Thuyền ấy ở đâu? Chẳng nương tựa vào hai bờ, mà cũng chẳng ở giữa dòng. Trước kia, điều này thật là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng hiện thời chẳng hiểm lạ gì hết, phi thuyền đấy. Phi thuyền trong vũ trụ chẳng ở hai bờ, mà cũng chẳng ở giữa dòng.

(Diễn) Nhất cao xanh xuất hư không ngoại, nhạ đắc xuân phong tiểu điểm đầu.

(演) 一篙撐出虛空外，惹得春風笑點頭。

(Diễn: Một sào chống vượt ngoài trời thăm, cười đón gió Xuân khẽ gật đầu).

Cảnh giới so ra còn cao hơn điều chúng ta vừa mới nói. Là vì trong hiện thời, phi thuyền của chúng ta vẫn còn ở trong hư không, vẫn chưa vượt thoát hư không. chiếc thuyền này có thể vượt khỏi hư không, chẳng thể nghĩ bàn! Bài thơ này hình dung cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, không chỉ chẳng nhiễm lục phàm, mà ngay cả cảnh giới tứ thánh cũng chẳng nhiễm, vượt thoát cảnh giới ấy. Vượt thoát tứ thánh lục phàm, đây là [vượt thoát] mười pháp giới, vậy thì nó ở đâu? Bất đắc dĩ phải đặt ra một giả danh là Nhất Chân pháp giới. Trong pháp môn Tịnh Độ, nó được gọi bằng danh xưng Thường Tịch Quang Tịnh Độ, và cõi Thật Báo Trang Nghiêm thuộc vào cảnh giới này.

Nói cách khác, tuyệt đối chẳng phải là cõi Đồng Cư hay cõi Hữu Dư. Thế nhưng thế giới Cực Lạc kỳ diệu, kỳ diệu ở chỗ chúng sanh trong

cõi Đồng Cư nghiêm nhiên cũng được thụ dụng [như trong các cõi Tịnh Độ phía trên], thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, pháp khó tin là ở chỗ này. Đoạn này đã nêu lên đại ý của lời tựa, xin xem tiếp đoạn Sớ kể đó:

(Sớ) Thừa thượng thù nhân diệu quả, chánh diêu niệm Phật chí nhất tâm.

(疏) 承上殊因妙果，正繇念佛至於一心。

(Sớ: Nhân thù thắng, quả mầu nhiệm như được nói trên đây chính là do niệm Phật đạt đến nhất tâm).

Hy vọng mọi người nhớ kỹ câu này, “*nhân*” là tu nhân, quý vị tu cái nhân hết sức thù thắng, “*quả*” là quả báo, tức là hai đoạn văn của lời Tựa trong phần trước. “*Thù nhân diệu quả*” đều do niệm Phật đến mức nhất tâm bất loạn [mà có].

(Sớ) Tác niệm cực nhi không, vô niệm chi niệm, vị chi chân niệm.

(疏) 則念極而空，無念之念，謂之真念。

(Sớ: Tức là niệm đến cùng cực thì rỗng không, vô niệm mà niệm nên gọi là “chân niệm”).

Ý nghĩa trong câu này khá sâu xa.

(Diễn) Niệm cực nhi không, ước tu biên thuyết.

(演) 念極而空，約修邊說。

(Diễn: Niệm đến cùng cực thì rỗng không là nói theo phương diện tu tập).

“*Ước tu biên thuyết*” là nói theo phương diện tu hành. Niệm đến cùng cực, sẽ rỗng không. Rỗng không điều gì vậy? Năng niệm (chủ thể niệm Phật, tức cái tâm niệm Phật) và sở niệm (đức Phật được niệm) đều buông xuống. Nói cách khác, niệm cho mất tâm ý thức. “*Không*”, không điều gì? Rỗng không tâm ý thức. Tâm ý thức chẳng còn nữa, nhất tâm hiện tiền, đúng như trong Lăng Nghiêm Chánh Mạch, Giao Quang đại sư đã nói “*dùng Căn bỏ Thức*”, trong Duy Thức Học nói là “*chuyển Thức thành Trí*”. Một câu Phật hiệu thật sự có tác dụng lớn như vậy sao? Thừa quý vị, chẳng giả một tí nào! Vấn đề là quý vị có biết dùng hay không? Biết

dùng, chắc chắn sẽ thành tựu. Sự thành tựu ấy giống như trong kinh đã nói, là sự thành tựu tuyệt vời, tức là một đời thành Phật.

Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, quý vị nghĩ xem những ý niệm ấy có phải là tâm phân biệt, tâm chấp trước hay chăng? Tâm phân biệt là thức thứ sáu, tức Ý Thức. Tâm chấp trước là thức thứ bảy, tức Mạt Na Thức. Khi phân biệt, chấp trước vừa mới hiện tiền, ngay lập tức đổi chúng thành A Di Đà Phật, quyết định chẳng để cho phân biệt, chấp trước tiếp nối, đó gọi là công phu, là “*chuyển Thức thành Trí*”. Chẳng dùng cái tâm phân biệt, thì cái tâm được quý vị sử dụng đúng là thứ gì cũng đều hiểu rõ, quyết định chẳng phải là nói: “Ta không dùng cái tâm phân biệt, mắt ta sẽ thấy ngoại cảnh mờ mịt”, không có hiện tượng ấy! Quý vị dùng cái tâm phân biệt, thấy hết thấy sắc tướng bên ngoài là thấy bằng Ý Thức, tức thức thứ sáu, là dùng Nhãn Thức để thấy. Quý vị không dùng cái tâm phân biệt, sẽ thấy sắc tướng ở bên ngoài, đó gọi là Diệu Quán Sát Trí. Chúng ta không có năng lực chuyển Thức thành Trí thì dùng một câu Phật hiệu A Di Đà Phật này để giúp chúng ta chuyển Thức thành Trí, đây đúng là mẫu nhiệm đến tột cùng vậy! Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng tìm được pháp nào khác mẫu nhiệm như thế!

Trong hết thấy cảnh giới, vừa mới khởi chấp trước, phải biết chấp trước là Mạt Na Thức, ý niệm ấy vừa khởi lên, lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật, chẳng để cho vọng niệm tiếp nối. Vì có chấp trước thì hết thấy pháp đều chẳng bình đẳng. Tách lia hết thấy chấp trước, có pháp nào chẳng bình đẳng? Tôi vừa mới nói, Tây Phương và Sa Bà bình đẳng. Vì sao? Trong thế giới Tây Phương, quý vị không có Lạc Thọ, trong cõi này không có Khổ Thọ, sự cảm nhận của quý vị là bình đẳng, Bình Đẳng Trí hiện tiền. Sự bình đẳng ấy là bình đẳng thật sự, vì sao? Trong thế giới Cự Lạc, lầu gác bảy báu, vàng ròng làm đất là do thức tâm của chính mình biến thành. Cảnh giới hiện tiền của chúng ta, bùn, cát, ngói, sạn, cũng do thức tâm của chính mình biến ra. Nói cách khác, Năng Biến (chủ thể biến hiện) chẳng khác gì nhau. Năng Biến giống nhau thì cảnh giới được biến khác nhau ở chỗ nào? Năng - Sở không hai! Hiện thời, các nhà khoa học cũng dần dần hiểu rõ đạo lý này, khoa học xương minh sự lý giải trong Phật pháp, quả thật đã giúp ích rất lớn, chúng ta mới thật sự hiểu rõ vạn pháp quả thật là nhất như (giống hết như một), là không hai. Vì vậy, trong hết thấy cảnh giới, chớ nên khởi lên phân biệt, chấp trước. Đây là niệm đến chỗ cùng cực thì phân biệt, chấp trước, vọng tưởng đều rỗng không, đoạn sạch toàn bộ.

(Sớ) Hựu niệm Thể bốn không.

(Diễn) Niệm Thể bốn không, ước tánh biên thuyết.

(疏) 又念體本空。

(演) 念體本空，約性邊說。

(Sớ: Lại nữa, Thể của niệm vốn là không.

Diễn: Thể của niệm vốn là không là ước theo phương diện Tánh để nói).

Câu này nói theo phương diện thể tánh. Thể của “niệm” là chân tâm, trong chân tâm chẳng có một vật, Lục Tổ nói “vốn chẳng có một vật”, do vậy nói là “bốn không”. Chữ Không này với chữ Không trong câu “niệm cực nhi không” (do niệm đến cùng cực bèn rỗng không) có ý nghĩa khác nhau. Chữ Không trong phần trước nên hiểu là Vô (không có), còn Không ở đây là Hữu, chứ không phải là Vô. Tâm Kinh đã dạy: “Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc”, [chữ Không trong đoạn Sớ “niệm Thể bốn không” này] giống như chữ Không trong Tâm Kinh, chẳng thể hiểu là Vô, mà là Hữu. Vì sao lại nói Có là Không? Vì nó không có dấu vết, hình tướng. Nó là Chân Hữu, không có dấu vết, hình tướng, lục căn của chúng ta không có cách nào tiếp xúc được, mắt nhìn chẳng thấy, tai nghe chẳng thấu, ngay cả tâm nghĩ cũng chẳng thể nghĩ được.

Do nó không có tướng, nên không có ý niệm, vậy thì nó có hay là không? Có chứ! Tận hư không, trọn pháp giới đều do nó biến hiện ra. Do vậy, Không này là Chân Không.

(Sớ) Niệm thật vô niệm, danh chân niệm dã.

(疏) 念實無念，名真念也。

(Sớ: Niệm thật sự là vô niệm, nên gọi là “chân niệm”).

Ở chỗ này thuyết minh, giải thích “chân niệm” theo hai phương diện (Tánh và Tu), hy vọng chúng ta thật sự hiểu rõ niệm Phật như thế nào mới là chân niệm.

(Diễn) Vô niệm chi niệm, thị chung nhật vô niệm, chung nhật niệm Phật dã.

(演) 無念之念，是終日無念，終日念佛也。

(Diễn: Niệm trong vô niệm là suốt ngày vô niệm mà suốt ngày niệm Phật).

“*Chung nhật vô niệm*” (suốt ngày vô niệm) là không có vọng niệm, chứ chẳng phải là không niệm Phật. Suốt ngày vô niệm. À! Phật cũng không niệm! Suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, quý vị nghĩ xem có đúng hay chẳng? “*Vô niệm*” là không có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, không có những ý niệm ấy, chỉ có những ý niệm gì? Chỉ có Phật niệm (ý niệm nghĩ đến Phật), suốt ngày từ sáng đến tối là A Di Đà Phật. “*Chung nhật niệm Phật*” (suốt ngày niệm Phật), một câu Phật hiệu quyết định chẳng gián đoạn giữa chừng. Người mới học quả thật chẳng dễ gì đạt đến cảnh giới này, điều này cần phải có hăng tâm, phải có nghị lực. Lũ chúng ta công phu chưa thể thành tựu, nói thật ra là giải đãi, phóng dật, đây là nghiệp chướng, đây là tội chướng, khiến cho công phu của chúng ta chẳng thể thành tựu, thường xuyên quên mất Phật hiệu. Hiện thời, công cụ khoa học phát triển, chúng ta hãy nên tận hết sức lợi dụng, thuận tiện nhất là máy thu âm, quý vị thường xuyên mở máy niệm Phật nhằm nhắc nhở chính mình. Hiện thời, máy thu âm rất thuận tiện, có thể giúp nhắc nhở chúng ta. Phật hiệu chỉ cần liên tục không gián đoạn, vọng niệm tự nhiên chẳng thể dấy lên; trong tâm không có Phật hiệu, vọng niệm nhất định khởi lên. Ví như dùng TV, quý vị vẫn phải xem, vẫn phải ngồi ở chỗ ấy, còn máy thu âm cỡ nhỏ đem theo mình, đi, đứng, nằm, ngồi đều chẳng trở ngại, đúng là thuận tiện tốt bậc! Do vậy, đối với những công cụ khoa học ấy, có rất nhiều thứ chúng ta có thể lợi dụng nhằm giúp chúng ta niệm Phật. Chúng ta phải biết điều này: Thế nào là vô niệm? Thế nào là niệm Phật? Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa!

(Diễn) Niệm thật vô niệm, thị chung nhật niệm Phật, chung nhật vô niệm dã.

(演) 念實無念，是終日念佛，終日無念也。

(Diễn: Niệm mà thật sự vô niệm là suốt ngày niệm Phật, mà suốt ngày vô niệm).

Suốt ngày từ sáng đến tối chẳng có vọng niệm, công phu đạt đến cùng cực thì tuy suốt ngày từ sáng đến tối miệng niệm một câu Phật hiệu, sáu chữ hồng danh rõ ràng, rành mạch, phân minh, nhưng có phân biệt, chấp trước hay chẳng? Chẳng có! Ngay cả phân biệt, chấp trước đối với câu Phật hiệu cũng chẳng có, đó là đạt đến nhất tâm bất loạn. Nếu một câu Phật hiệu vẫn có phân biệt, chấp trước, nhưng hết thảy những vọng niệm khác chẳng còn, thì gọi là “công phu thành phiền”, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, quyết định vãng sanh. Chúng ta niệm Phật, trước hết là

phải cầu thành tựu giai đoạn này, đây là thành tựu thuộc giai đoạn thứ nhất. Chúng ta chấp trì danh hiệu, phân biệt, chấp trước danh hiệu ấy, buông hết phân biệt, chấp trước nơi những chuyện thế gian và xuất thế gian khác xuống. Đó là công phu thành phiến. Tuy xét theo Tịnh Độ để luận thì công phu này chẳng phải là cao minh gì, nhưng đã có thể đạt được “biết trước lúc mất, sanh tử tự tại”. Sau khi đã đạt đến giai đoạn này, thọ mạng và cái thân nghiệp báo của chúng ta còn chưa hết thì có thể dốc sức lợi dụng thời gian còn lại để nâng công phu của chính mình lên cao hơn nữa, nâng đến mức nhất tâm bất loạn, đừng ngưng lại trong cảnh giới [công phu thành phiến] này, như vậy mới là tốt!

(Diễn) Hựu thử nhị nghĩa, diệc nãi tương tu.

(演) 又此二義，亦乃相須。

(Diễn:) *Lại nữa, hai nghĩa này cũng bổ trợ lẫn nhau.*

“*Tương tu*” là phụ trợ lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau.

(Diễn) Do niệm cực nhi không, phương tri niệm Thể bản không, công phu bất đáo, bất ngộ bản thể dã.

(演) 由念極而空，方知念體本空，工夫不到，不悟本體也。

(Diễn:) *Do niệm đến tột cùng bèn rỗng không [mọi ý niệm đối đãi], mới biết Thể của niệm là Không, do công phu chưa đạt nên chẳng ngộ bản thể.*

Thiền gia gọi “ngộ bản thể” là “minh tâm kiến tánh, đại triệt, đại ngộ”, Tịnh Độ gọi là “*Lý nhất tâm bất loạn*”. Chẳng phải là cậy vào suy nghĩ loạn xạ mà hồng đạt được điều này! Nhất định phải là công phu đến tuyệt mức mới đạt được. Công phu đã đến tuyệt mức thì như trong phần trước tôi đã thưa cùng quý vị, phải buông xuống, phải xả! Hễ có một chuyện nào chưa buông xuống được, sẽ đều là chướng ngại nghiêm trọng, chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng điều này. Bản thân chúng ta tu hành chẳng thể thành tựu, đừng nói là nhất tâm bất loạn, ngay cả công phu thành phiến cũng chưa đạt được, nguyên nhân là vì đâu? Không buông xuống được! Đây là căn bệnh lớn của chúng ta. “Không buông xuống” là căn bản của sanh tử luân hồi. Nếu muốn vượt thoát sanh tử luân hồi, phải

buông xuống, quyết định chẳng tham ái hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian.

Kinh đã nói rất hay: “*Ái bất trọng, bất sanh Sa Bà*” (Ái chẳng nặng, chẳng sanh trong Sa Bà). Sa Bà là lục đạo luân hồi. Vì sao có lục đạo luân hồi? Tham ái quá nặng, “*niệm bất nhất, bất sanh Tịnh Độ*” (niệm chẳng nhất chẳng sanh Tịnh Độ), “*nhất*” là nhất tâm. Tuy công phu thành phần chưa đạt đến nhất tâm, chẳng phải là nhất tâm thật sự, nhưng đã gần với nhất tâm, đó là tương tự nhất tâm; do vậy, người ấy cũng có thể sanh về Tịnh Độ. Vì thế, chẳng xả, chẳng buông xuống thì chúng ta lại bỏ uổng một đời này!

Học Phật, nghe kinh, niệm Phật, nếu chẳng thể thật sự buông hết thấy thân tâm thế giới xuống thì cũng giống như đợi đến đời sau để tiếp tục làm [những chuyện nghe kinh, niệm Phật này], vì sao? Không có cách nào vượt thoát luân hồi, không có cách nào vãng sanh Tịnh Độ. Cũng có vị hỏi: “Đời sau có phải là tiến bộ hơn đời này hay chẳng?” Chưa chắc! Cũng có trường hợp mê hoặc hơn đời này, vì sao biết? Là vì quý vị hiện đang ở nơi đây, quý vị ngồi nghe kinh một tiếng rưỡi ở nơi đây, chẳng phải là đời này quý vị mới học Phật. Nhiều đời nhiều kiếp trước, đời đời kiếp kiếp quý vị đều học Phật, trong vô lượng kiếp, thân cận chư Phật Như Lai, chẳng biết đã thân cận bao nhiêu! Thân cận chư Phật Như Lai nhiều ngàn ấy, mà ngày nay vẫn tệ như thế này, vì sao? Vì quý vị không buông xuống được! Thân cận Phật có ích gì? Không buông xuống được thì có ích gì? Trong lòng vướng mắc quá nhiều chuyện, ta chẳng nở lòng buông xuống. Nói cách khác, lục đạo sanh tử khổ durance ấy, ta chẳng nở lòng lìa khỏi, còn có cách nào nữa đây? Thế giới Cực Lạc đâu tốt đẹp, mong đến đó, nhưng chẳng nở lòng bỏ nơi đây. Tâm trạng chẳng nở lòng ấy khiến cho quý vị đời đời kiếp kiếp sanh tử luân hồi, vĩnh viễn không lúc nào xong, đó là vô minh, là ngu si, là nghiệp chướng, là tình thức!

Phật pháp là phải chuyển biến tình thành trí huệ. Nói tới trí huệ thì nó là cảm tình được vận dụng bằng lý trí. Tình là trí huệ ngu si, trí huệ đã bị mê muội! Nay quý vị không buông xuống được, chẳng nở lòng, thương xót người khác, mong giúp đỡ người khác, nhưng bản thân quý vị không có năng lực. Nay tạm thời rời khỏi họ, học lấy bản lãnh thành Phật, thành Tổ; sau khi đã học thành một thân bản lãnh, sẽ thả chiếc bè Từ giúp đỡ họ, như vậy thì mới thật sự đạt được hiệu quả. Do vậy, chúng ta chẳng cầu giải thoát ngay trong đời này, muốn chờ đến bao giờ? Đời này chẳng vãng sanh, quý vị còn đợi đến đời nào? Huống chi, đời đời kiếp kiếp chưa chắc

có nhân duyên gặp được Phật pháp, càng khó gặp chánh pháp hơn nữa, thật sự chẳng dễ dàng đâu nhé!

Có nhiều đồng tu học Phật, có những vị tôi gặp mặt lần đầu, tôi hỏi họ: “Quý vị đã học Phật đã bao lâu rồi?” Họ nói: “Tôi học đã mấy năm rồi!” “Có nghe kinh hay chưa?” Có! Nghe kinh ở đâu? Tại Hành Thiên Cung, tại miếu Ma Tổ¹, đủ thấy chánh pháp chẳng dễ gì gặp được! Họ cũng ngỡ đó là học Phật. Nhất Quán Đạo² cũng giảng kinh Kim Cang, cũng giảng Tâm Kinh. Lần trước tôi có kể với quý vị rồi đó, có một đồng tu gửi cho tôi xem một cuốn chú giải kinh Kim Cang và chú giải Tâm Kinh. Những bản chú giải ấy đúng là “nói nhăng, nói cuội”! Kinh văn thì không sai, nhưng những lời giảng của họ hoàn toàn chẳng phải là nói về những chuyện ấy, còn làm sao được nữa! Tạo tội nghiệp quá nặng, đoạn tuyệt Pháp Thân huệ mạng của hết thảy chúng sanh. Do đây có thể biết: Chánh pháp chẳng dễ gì gặp được! Sau khi đã gặp, muốn công phu đạt mức, nhất định phải buông xuống hết thảy. Do vậy, trong pháp tu hành của Bồ Tát, điều thứ nhất là Bồ Thí, ý nghĩa của Bồ Thí là xả, là buông xuống. Trong tâm đối với bất cứ chuyện gì cũng đều không vướng mắc, Bồ Thí Ba La Mật bền viên mãn. Buông xuống viên mãn sẽ khai ngộ, tức là đạt đến nhất tâm bất loạn. Đây là nói công phu đến mức, quý vị sẽ có thể khai ngộ.

¹ Ma Tổ chính là Thiên Hậu. Ở Việt Nam, danh xưng của vị thần này thường bị đọc trại thành Mã Tổ, những ngôi đền thờ bà Thiên Hậu thường được gọi là chùa Bà. Hành Thiên Cung còn gọi là Ân Chủ Công Miếu, là miếu thờ Quan Công lớn nhất và nổi tiếng nhất tại Bắc Đài Loan.

² Nhất Quán Đạo là hậu duệ của Tiên Thiên Đại Đạo (tàn dư của tà phái Bạch Liên). Vào thời Thuận Trị, Hoàng Đức Huy thờ La Thanh làm tổ sư, lấy giáo nghĩa của La Thanh sáng lập ra Tiên Thiên Đạo tại Bà Dương, tỉnh Giang Tây. Sau đó, Lưu Thanh Hư tuyên bố được Vô Sanh Lão Mẫu ân tứ, truyền cho tên mới của giáo phái là Nhất Quán Đạo. Nhất Quán Đạo chính thức ra đời tại Tế Ninh (tỉnh Sơn Đông) do Lộ Trung Nhất sáng lập vào năm 1905. Lộ Trung Nhất được kế thừa bởi Trương Thiên Nhiên Nhiên và được tuyên truyền rộng rãi bởi công sức của vợ ông ta là Tôn Huệ Minh. Đây là một tà phái mượn danh nghĩa Phật giáo, chủ trương ăn chay, thờ Minh Minh Thượng Đế (còn gọi Vô Cực Lão Mẫu, Vô Sanh Lão Mẫu, Vô Cực Thiên Mẫu v.v.), Di Lạc Tôn Phật và Nam Hải Cổ Phật (Quán Thế Âm Bồ Tát), Tế Công Hoạt Phật (ngài Tế Diên), Lữ Pháp Luật Chủ (Lữ Thuần Dương, Lữ Động Tân), Quan Pháp Luật Chủ (Quan Công) v.v... Chủ trương hợp nhất Nho - Thích - Đạo, nhưng thật ra là pha trộn lung tung giáo nghĩa của Phật giáo với pháp tu luyện của đạo sĩ và tín ngưỡng mê tín trong dân gian, cầu cơ, thỉnh tiên, sấm ký v.v... chuyên giảng kinh Phật xuyên tạc theo kiểu luyện đan, luyện khí.

(Diễn) Hựu do niệm Thễ bản không, phương đắc niệm cực nhi không.

(演) 又由念體本空，方得念極而空。

(Diễn: Lại do Thễ của niệm vốn là Không, nên mới niệm tới mức cùng cực sẽ rộng không các ý niệm đối đãi).

Đây là nói tới sự hỗ trợ lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau. Nay chúng ta hiểu rõ đạo lý này, biết trong chân tâm chẳng có một vật gì, Lục Tổ nói “vốn chẳng có một vật”, như vậy thì chúng ta mới chịu buông xuống. Chẳng hiểu rõ đạo lý này, muốn tôi buông xuống thì vì sao phải buông xuống? “Vì sao tôi phải bỏ? Tôi bỏ thì anh sẽ được!” Người ấy chẳng tin tưởng! Thật sự hiểu rõ lý rồi, mới biết buông xuống có nhiều điều tốt đẹp dường ấy, có lợi ích nhiều ngàn ấy, nên mới chịu buông xuống, cũng đúng như cổ đức đã nói: “Hảo sự chẳng bằng vô sự”. Làm chuyện tốt cũng phải buông xuống, không buông xuống sạch sành sanh, [sẽ cảm thấy] ta còn có bao nhiêu chuyện tốt chưa làm, còn có vướng mắc, dầu lìa ngó ý còn vương tơ lòng, chẳng thật sự đoạn được chuyện gì hết! Vô sự là thật sự đoạn!

Vì thế, một chiêu của Bàn cư sĩ quả thật đã giáng một gậy vào đầu chúng ta. Ông ta là một vị đại phú trưởng giả, vàng bạc, của cải nhiều ngàn ấy không dùng làm chuyện tốt, mà đem vứt hết xuống nước, thấy đều chẳng cần tới nữa. Đó gọi là “nhỏ cỏ nhỏ sạch cả rễ”, chẳng vướng mắc tí ti nào! Nếu phát tâm làm chuyện tốt, đến khắp nơi bố thí, quý vị hãy nghĩ xem: Há chẳng phải là ngó gãy mà tơ còn vương, chẳng phải là hết sạch sành sanh! Xả thì phải xả sạch sành sanh, phải xả thật thống khoái, đây mới thật sự là tấm gương tốt nhất cho người tu hành. Cách hành trì của Ngài là hiện thân thuyết pháp, Ngài làm cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta giác ngộ: Làm như vậy mới là buông xuống, mới là bố thí, mới thật sự là “một điều xong, trăm điều đều xong”, khó trách người ta thành đạo! Chúng ta hiểu được đạo lý này, chúng ta thật sự chịu làm. Do vậy, Lý có thể giúp cho công phu, lý giải có thể giúp cho quý vị tu hành. Công phu tu hành lại có thể giúp cho quý vị lý giải. Hỗ trợ lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau!

(Diễn) Bản thể bất không, tụng niệm bất không dã.

(演) 本體不空，縱念不空也。

(Diễn: Bản thể chẳng không, dầu niệm vẫn chẳng không).

Nói hai câu này vì sợ quý vị lại chấp Không. Phần trên nói: “*Hữu do niệm Thể bốn không, phương đắc niệm cực nhi không*” (Lại do Thể của niệm vốn là Không nên mới có thể niệm đến cùng cực bèn rỗng không). Không và Bất Không là một, chẳng phải hai. Nếu có một cái Không, sẽ lại có một cái Bất Không. Quý vị lại nghĩ chúng là hai pháp, hai pháp là trật mất rồi! Hai pháp: Do phân biệt mới có hai, chẳng phân biệt đâu còn có hai? Tách rời hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Không và Bất Không đều cũng chẳng thể được, đó mới gọi là “*chân niệm*”.

Nói tới chỗ này, tôi lại tổng kết mấy câu này. Chân thật niệm Phật là dùng cái tâm thanh tịnh để niệm Phật. Nếu trong tâm quý vị còn có tơ hào vướng mắc, chẳng gọi là chân thật niệm Phật, tiêu chuẩn này quá cao! Hiện thời chúng ta đả Phật thất, suốt ngày niệm từ sáng đến tối vẫn chưa phải là niệm Phật chân thật, vì luôn có vướng mắc. Ở chỗ này, tổ sư dạy chúng ta tiêu chuẩn niệm Phật chân thật. Ai là người chân thật niệm Phật? Người đắc Lý nhất tâm bất loạn là chân thật niệm Phật. Khi nào chúng ta có công phu niệm Phật đạt mức, niệm đến chỗ thấy được bản thể, thì niệm Phật từ đó trở đi mới gọi là “chân thật niệm”. Nói cách khác, từ Sơ Trụ trong Viên Giáo cho đến Đẳng Giác Bồ Tát gồm bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, mỗi vị ấy đều là người chân thật niệm Phật, vì họ phù hợp với tiêu chuẩn này.

Câu tiếp theo giảng về Vô Sanh Nhân, “*sanh bỉ bất ly sanh thử*” (sanh về cõi kia, chẳng rời sanh trong cõi này), giảng cho chúng ta vấn đề này.

(Sớ) *Sanh vô sanh giả, đạt sanh Thể bất khả đắc, tác sanh nhi bất sanh, bất sanh nhi sanh, thị danh “đĩ niệm Phật tâm nhập Vô Sanh Nhân”, như hậu Giáo Khởi trung biện.*

(疏) 生無生者，達生體不可得，則生而不生，不生而生，是名以念佛心入無生忍，如後教起中辯。

(Sớ: “*Sanh mà vô sanh*”: Thông đạt Thể của sanh là “chẳng thể được” thì sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh mà sanh. Đó gọi là dùng cái tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhân, như trong phần Giáo Khởi Nhân Duyên thuộc đoạn sau sẽ luận định).

Tương lai, trong tiểu đoạn “*giáo khởi nhân duyên*” (nhân duyên phát khởi giáo pháp này) thuộc phần Huyền Nghĩa sẽ thảo luận cặn kẽ

hơn, ở đây chỉ nói đại lược. Trong sách Diễn Nghĩa cũng có một đoạn chú giải [câu này].

(Diễn) Đạt sanh thể bất khả đắc giả.

(演) 達生體不可得者。

(Diễn: “Thông đạt Thể của sanh chẳng thể được” là...)

“Đạt” (達) là thông đạt. Thật sự thông đạt bản thể của Sanh là chẳng thể được. Điều này có nghĩa là gì? Ở đây giải thích đơn giản [như sau].

(Diễn) Do tâm không cố.

(演) 由心空故。

(Diễn: Do tâm rỗng không).

Vốn chẳng có một vật.

(Diễn) Đại địa bình trầm, hư không phân toái, thôi cầu Ngũ Âm, sắc, tâm, liễu bất khả đắc dã.

(演) 大地平沉，虛空粉碎，推求五陰色心，了不可得也。

(Diễn: Đại địa chìm lìm, hư không nát vụn như bột, suy lường, tìm cầu Ngũ Âm, sắc, tâm, trọn chẳng thể được).

Thoạt nhìn bề ngoài, mấy câu này rất đơn giản, rõ ràng, nhưng ý nghĩa quá sức sâu xa. Trong kinh Kim Cang cũng có ý nghĩa này; tuy có cùng một ý nghĩa, nhưng cách nói khác nhau. Kinh Kim Cang nói: “*Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc*” (Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được). Nếu quý vị biết ba tâm đều chẳng thể được, sẽ ngộ nhập lý Chân Không. Nói theo cách bây giờ, hết thấy động vật, thực vật, khoáng vật đều do “*Ngũ Âm, sắc, tâm*” biến hiện.

Do vậy, A La Hán chứng đắc Cửu Thứ Đệ Định, ngộ nhập Nhân Ngã Không. Nói cách khác, Ngài thật sự triệt để hiểu rõ hết thấy các pháp vô ngã. Tuy vô ngã, nhưng Ngài vẫn cho rằng còn có pháp, pháp là Ngũ Âm. Ngã không có, nhưng Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vẫn có. Do vậy, A La Hán không có Ngã Chấp, nhưng Pháp Chấp vẫn còn, Ngài chưa thể khai ngộ. Vì thế, tâm Ngài chưa Không. Tâm A La Hán chưa không. Kinh

Lăng Nghiêm có lời chứng minh, nói về cảnh giới A La Hán, đức Phật bảo: “*Nội thủ du nhàn*” (trong tâm giữ lấy sự an nhàn), tâm A La Hán chưa Không! Trong tâm Ngài vẫn giữ “*du nhàn*”, “*do vi pháp trần phân biệt ảnh sự*” (vẫn còn bóng dáng phân biệt đối với Pháp Trần). Câu cuối cùng nói rất hay! A La Hán giữ điều gì? Giữ lấy khái niệm trừu tượng hư vọng! Về căn bản, không có chuyện ấy, [tức là không có] bóng dáng của sự phân biệt đối với Pháp Trần, quả thật rất oan uổng! Vì vậy, tâm Ngài bất không, nói cách khác, Ngã Chấp buông xuống được rồi, nhưng Pháp Chấp chưa buông xuống.

Nếu nói tới chân tướng thì chân tướng là “*thôi cầu Ngũ Âm, sắc, tâm, liễu bất khả đắc*” (suy lường, tìm cầu Ngũ Âm, sắc, tâm, trọn chẳng thể được). Động vật, thực vật, khoáng vật là những vật do Ngũ Âm, sắc, tâm biến hiện; động vật, thực vật, khoáng vật là giả, đều là pháp được sanh bởi nhân duyên. Duyên sanh không có tự tánh, không có tự thể. Do vậy, nói “*bản thể của chúng là Không*”. Ngũ Âm cũng là pháp sanh bởi nhân duyên, cũng chẳng thật. Cùng một đạo lý, bản thể của chúng (Ngũ Âm, sắc, tâm) là Không, trọn chẳng thể được! Do vậy, trong kinh luận, Phật, Bồ Tát bảo chúng ta: “*Duyên sanh tánh Không*”. Tánh là thể tánh, do Thể là “*chẳng thể được*”, nên gọi là Không. Cảnh giới ấy là gì? Giống như cảnh trong mộng, hoàn toàn giống như cảnh trong mộng. Khi chúng ta nằm mộng, trong mộng là có, như đã nói: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (Trong mộng rành rành có sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Sau khi quý vị tỉnh giấc, những thứ quý vị đã có trong mộng có đem ra được hay không? Quý vị có đem theo một món nào hay không? Khi nào chúng ta có thể thấy cảnh giới hiện tiền là cảnh trong mộng, quý vị sẽ tự tại, đúng là đạt được đại tự tại. Vì sao? Cái tâm được - mất không còn nữa, bỏ rồi. Tâm được - mất đã không còn, tức là tâm được - mất rỗng không. Tất cả phiền não đều do lo được, lo mất mà có! Quý vị không có cái tâm được - mất, sẽ chẳng có phiền não, nên được đại tự tại.

Hiểu hết thấy pháp như mộng, huyễn, bọt, bóng; chúng quả thật là như mộng, huyễn, bọt, bóng, quý vị sẽ tùy duyên sống qua ngày, giống như Phổ Hiền Bồ Tát đã nói “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, không vướng mắc, không chướng ngại, không có pháp nào chẳng thể tùy hỷ. Công đức là gì? Thành tựu sự giác ngộ của chính mình, thành tựu vô lượng giác cho chính mình. Trong hết thấy các pháp, chẳng dùng tâm phân biệt, mà dùng quán chiếu, giống như Tâm Kinh nói là Quán Tự Tại. Ngài chiếu kiến tướng chân thật của hết thấy pháp; do vậy “*chiếu kiến Ngũ Uẩn*

đều không”. Đây là “câu Ngũ Âm, sắc, tâm đều trọn chẳng thể được”; Tâm Kinh cũng nói như thế. Tâm khai, ý giải, thật sự lia khổ, được vui, “độ nhất thiết khổ ách”: Hết thấy khổ ách cũng đều chẳng còn, đều rỗng không. Đây là trí huệ. “Đạt” là trí huệ thông đạt; dùng trí huệ để quán chiếu, chiếu kiến chân tướng sự thật, rồi mới “tác sanh nhi bất sanh, bất sanh nhi sanh” (nên sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh mà sanh). Lời chú giải [trong sách Diễn Nghĩa] giảng rõ:

(Diễn) Bất sanh nhi sanh giả, như dĩ bất sanh vi bất sanh, phi chân bất sanh dã.

(演) 不生而生者，如以不生為不生，非真不生也。

(Diễn: “Chẳng sanh mà sanh”: Nếu hiểu “chẳng sanh” là “không hề sanh” thì chẳng phải là “chẳng sanh” thật sự).

Vì sao? Rót vào khái niệm tương đối. Có một cái “sanh” và một cái “bất sanh”; lại là hai pháp! Phải hiểu “sanh” và “bất sanh” là một, chẳng phải hai thì mới là “bất sanh” thật sự. Do vậy, ở đây nói “sanh tức bất sanh”, bất sanh là sanh, sanh là bất sanh, đây mới là “chân bất sanh”.

Tiếp đó, lão nhân gia dẫn một câu trong Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư để chứng minh.

(Diễn) Cố Vĩnh Gia vị: Thùy vô niệm, thùy vô sanh, nhược thật vô sanh vô bất sanh đẳng.

(演) 故永嘉謂：誰無念，誰無生，若實無生無不生等。

(Diễn: Vì thế, ngài Vĩnh Gia nói: “Ai vô niệm, ai vô sanh?” Nếu nói thật sự thì không có sanh mà cũng chẳng có bất sanh v.v...)

Hai câu đầu [trong đoạn Diễn Nghĩa vừa dẫn trên đây] là câu hỏi mang tính cách giả thiết, có ai mà chẳng niệm? Có gì chẳng sanh? Nếu nói chân thật, quả thật sanh lẫn bất sanh đều chẳng có. “Vô sanh, vô bất sanh”: Hai bên sanh và bất sanh đều tách lìa. Tách rời hai bên, hai bên đều là, đây mới là chân tướng sự thật. Đó gọi là “song giá, song chiếu” (ngăn dứt cả hai bên, soi rõ cả hai bên). Vĩnh Gia đại sư dùng lối Song Giá, tách rời cả hai bên, không có sanh mà cũng chẳng có bất sanh, sanh lẫn vô sanh thấy đều chẳng có, thật sự thanh tịnh. Nói “sanh chính là bất sanh, bất sanh là sanh” là nói theo lối Song Chiếu. Thật ra, chúng có tồn tại hay không? Tồn tại, tướng hai bên tồn tại. Tuy tồn tại, nhưng theo Lý

thì chẳng có hai bên. Xét theo Lý, chúng quyết định không có! Đã là Tướng thì có, Lý thì không; tướng ấy là huyền tướng, chẳng phải chân tướng. Do vậy, tướng là hư vọng. Kinh nói rất hay: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Chúng ta phải nhớ kỹ điều này!

Do vậy, trong hết thấy tướng, đừng sót sáng, đừng chấp trước, phải quán chiếu bằng trí huệ, quyết chớ nên mê hoặc. Nếu cư xử với chư Phật, Bồ Tát, chuyện này sẽ được thực hiện tốt đẹp: Không chấp tướng, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại; đó là cảnh giới Hoa Nghiêm. Tại Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Nếu cư xử với lục đạo phàm phu thì chẳng được, chỉ có thể Lý Sự vô ngại, chứ Sự Sự vô ngại còn bị chướng ngại. Quý vị đạt đến vô ngại, nhưng đối phương có chướng ngại, phải thuận theo họ! Bồ Tát phải hằng thuận chúng sanh. Quý vị hãy tra duyệt kinh điển, có kinh nào nói chúng sanh hằng thuận Bồ Tát hay không? Không có! Có nói chúng sanh hằng thuận Phật hay chăng? Không có! Chỉ có Phật, Bồ Tát hằng thuận chúng sanh. Nếu chúng sanh hằng thuận Phật, Bồ Tát, chúng sanh đã thành Phật, thành Bồ Tát rồi, chẳng gọi là chúng sanh!

Do vậy, quý vị nhất định phải hiểu: Bồ Tát phải hằng thuận chúng sanh. Sự cư xử giữa Bồ Tát và chúng sanh là Sự Sự có chướng ngại, nhưng Lý Sự vô ngại. Vì sao Sự Sự có chướng ngại? Chúng sanh có phân biệt, có chấp trước, chẳng thể không thuận theo họ. Ví như chúng sanh nói hai tai rủ xuống vai là tướng hảo, Phật, Bồ Tát hằng thuận họ, biến ra tướng ấy. Thật ra, trong cảnh giới của Phật, Bồ Tát, hết thấy tâm thanh tịnh, hết thấy pháp bình đẳng, có những thứ như ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo hay không? Không có! Có thể thấy ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo nhằm hằng thuận chúng sanh. Quý vị cảm thấy tướng ấy là đẹp đẽ, các Ngài bèn thị hiện tướng ấy. Thật ra, xấu hay tốt chẳng có tiêu chuẩn.

Xưa, nay, trong nước, ngoài nước nêu ra tiêu chuẩn tốt - xấu khác nhau. Đại chúng chúng ta ngồi cùng một chỗ, nhìn cách xếp đặt trong giảng đường này, mỗi người đều có quan điểm khác nhau. Có người cảm thấy cách xếp đặt này rất khá, có người chẳng vừa ý, tiêu chuẩn khác nhau. Thật ra, về căn bản là không có tiêu chuẩn, tiêu chuẩn là gì? Tiêu chuẩn ấy được kiến lập bởi phân biệt, chấp trước, vọng tưởng của chính quý vị. Trong pháp chân thật, chẳng hề có những thứ ấy, hết thấy đều không có, đều là Sự Sự vô ngại. Chỉ cần quý vị lập ra, Bồ Tát bèn hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Trừ biện pháp này ra, không có biện pháp thứ hai! Do vậy, mới nói: “*Phật pháp trong thế gian, chẳng lìa thế gian giác*”.

Tuy hằng thuận, tùy hỷ, nhưng phải giác, chớ nên mê, đó gọi là Phật pháp. Đạo lý này rất trọng yếu, nhất định chớ nên hiểu lầm Phật pháp, chớ nên sử dụng Phật pháp sai lầm. Hôm nay, chúng tôi giảng đến đây!